

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Các báo cáo tài chính năm 2024 của

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số: 083T.2025/VDAC

Kính gửi: **QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU** (sau đây được gọi là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 02 năm 2025 từ trang 5 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám Đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám Đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám Đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà Chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến Kiểm toán của Chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của Chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU** tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 02 năm 2025

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN TƯ VẤN RỒNG VIỆT

Giám đốc điều hành



Lê Hoàng Tuyên

Kiểm toán viên công chứng

Số: 0622-2024-201-1/KTV

Do Bộ Tài chính Việt Nam cấp

Kiểm Toán Viên

Nguyễn Thị Kim Ngân

Kiểm toán viên công chứng

Số: 4338-2024-201-1/KTV

Do Bộ Tài chính Việt Nam cấp

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 47 Ba Cu, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110+120+130+140+150)	100		108.678.080.880	104.268.143.506
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	632.451.960	2.852.717.201
Tiền	111		632.451.960	2.852.717.201
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		52.635.314.219	48.535.597.854
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	38.253.929.784	33.970.781.319
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	9.178.061.403	9.321.288.503
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04a	5.203.323.032	5.243.528.032
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.05	46.521.181.538	44.028.469.811
Hàng tồn kho	141		46.521.181.538	44.028.469.811
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.889.133.163	8.851.358.640
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	8.228.704	19.255.219
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.07a	8.880.904.459	8.832.103.421
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. Tài sản dài hạn (200 = 210+220+240+250+260)	200		10.464.251.730	11.576.996.726
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu dài hạn nội bộ	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	3.000.000.000	3.000.000.000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 47 Ba Cu, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
II. Tài sản cố định	220		4.712.817.997	5.825.562.993
Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	4.712.817.997	5.825.562.993
Nguyên giá	222		16.774.921.997	16.774.921.997
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.062.104.000)	(10.949.359.004)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.09	47.254.043	47.254.043
Nguyên giá	231		1.511.538.270	1.511.538.270
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.464.284.227)	(1.464.284.227)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.281.859.690	1.281.859.690
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	1.281.859.690	1.281.859.690
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.422.320.000	1.422.320.000
Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		1.422.320.000	1.422.320.000
Tổng cộng tài sản (270 = 100+200)	270		119.142.332.610	115.845.140.232

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 47 Ba Cu, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C. Nợ phải trả (300 = 310+330)	300		85.574.263.403	82.897.229.825
I. Nợ ngắn hạn	310		81.688.529.092	78.811.495.514
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	30.532.270.100	30.772.699.100
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	297.474.867	543.082.768
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.07b	3.883.345.578	3.934.909.447
Phải trả người lao động	314	V.13	4.027.472.887	2.988.593.754
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.721.532.750	2.266.630.750
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14a	5.259.191.821	5.893.744.026
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	34.778.021.489	32.411.835.669
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		189.219.600	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.885.734.311	4.085.734.311
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	V.14b	1.885.734.311	1.985.734.311
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	2.000.000.000	2.100.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D. Vốn chủ sở hữu (400 = 410+430)	400		33.568.069.207	32.947.910.407
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.16	33.568.069.207	32.947.910.407
Vốn góp của chủ sở hữu	411		31.642.320.000	31.642.320.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.642.320.000	31.642.320.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
Cổ phiếu quỹ	415		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 47 Ba Cu, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 01 - DN

(Đơn vị tính: VND)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		237.177.000	237.177.000
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		669.935.205	628.591.285
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.018.637.002	439.822.122
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		439.822.122	342.963.826
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		578.814.880	96.858.296
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300+400)	440		119.142.332.610	115.845.140.232

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 27 tháng 02 năm 2025



NGUYỄN VĂN CHƯƠNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ LAN
KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
NGƯỜI LẬP BIỂU

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 47 Ba Cu, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 02 - DN

(Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	143.455.998.197	97.572.794.625
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.01	143.455.998.197	97.572.794.625
Giá vốn hàng bán	11	VI.02	128.923.238.073	83.650.143.517
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		14.532.760.124	13.922.651.108
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	157.944.208	148.225.911
Chi phí tài chính	22	VI.04	3.430.808.092	3.262.281.234
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.324.409.443	3.203.805.201
Chi phí bán hàng	25		-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	10.434.235.166	10.623.134.542
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		825.661.074	185.461.243
Thu nhập khác	31	VI.06	207.936.926	-
Chi phí khác	32	VI.07	-	10.000.000
Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		207.936.926	(10.000.000)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		1.033.598.000	175.461.243
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	206.719.600	37.092.248
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		826.878.400	138.368.995
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	195.99	32.80
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 27 tháng 02 năm 2025

**NGUYỄN VĂN CHƯƠNG**
TỔNG GIÁM ĐỐC**NGUYỄN THỊ LAN**
KẾ TOÁN TRƯỞNG**NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG**
NGƯỜI LẬP BIỂU

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Số 47 Ba Cu, Phường 1, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Mẫu số B 03 - DN

(Đơn vị tính: VND)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.033.598.000	175.461.243
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định	02		1.112.744.996	1.216.788.050
Chi phí lãi vay	06		3.324.409.443	3.203.805.201
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		5.470.752.439	4.596.054.494
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(4.355.237.003)	(3.525.453.278)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.492.711.727)	(2.868.737.486)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		221.628.158	(6.703.273.026)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		11.026.515	27.455.090
Tiền lãi vay đã trả	14		(3.324.409.443)	(3.203.805.201)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(17.500.000)	(378.583.253)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.486.451.061)	(12.056.342.660)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(147.007.825)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-	(147.007.825)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		106.108.982.454	71.800.107.546
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(103.842.796.634)	(61.555.790.010)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.266.185.820	10.244.317.536
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(2.220.265.241)	(1.959.032.949)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.852.717.201	4.811.750.150
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		632.451.960	2.852.717.201

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 27 tháng 02 năm 2025



NGUYỄN VĂN CHƯƠNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ LAN
KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG
NGƯỜI LẬP BIỂU